

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LR 1.2

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62506850200000001	TRIEU LE QUYNH	女	2002-08-22	020302006389	LR 1.2	
2	H62506850200000002	NGUYEN THI NHU NGOC	女	1999-10-31	022199005873	LR 1.2	
3	H62506850200000003	LE MINH CHIEN	男	2006-12-07	022206003829	LR 1.2	
4	H62506850200000004	DO THI MINH ANH	女	2000-01-05	022300001736	LR 1.2	
5	H62506850200000005	NGUYEN THI THU TRA	女	2002-04-27	022302001907	LR 1.2	
6	H62506850200000006	NGUYEN THI KHANH LINH	女	2008-04-28	022308008010	LR 1.2	
7	H62506850200000007	PHAM BUI ANH LINH	女	2008-02-22	022308008326	LR 1.2	
8	H62506850200000008	HOANG THU HUYEN	女	2000-05-12	024300005678	LR 1.2	
9	H62506850200000009	NGUYEN AN KHANH	女	2008-06-05	024308005971	LR 1.2	
10	H62506850200000010	DUONG HOANG LINH	女	2008-09-23	024308013319	LR 1.2	
11	H62506850200000011	PHAM THI UYEN	女	1998-09-08	025198007677	LR 1.2	
12	H62506850200000012	NGUYEN THI KIM HAU	女	2002-09-01	025302006184	LR 1.2	
13	H62506850200000013	HA HOANG YEN NHI	女	2008-09-25	025308000201	LR 1.2	
14	H62506850200000014	LE VIET HOANG	男	2002-09-24	026202001255	LR 1.2	
15	H62506850200000015	NGUYEN THI MY DUNG	女	1995-04-17	027195001571	LR 1.2	
16	H62506850200000016	NGUYEN THI LAN ANH	女	2001-11-25	027301004452	LR 1.2	
17	H62506850200000017	NGUYEN THI GIANG	女	1990-11-12	031190004306	LR 1.2	
18	H62506850200000018	VU THI THUY LINH	女	1998-10-06	031198001975	LR 1.2	
19	H62506850200000019	NGUYEN DINH MINH	男	2008-08-29	031208001342	LR 1.2	
20	H62506850200000020	TRAN THI MAI HOA	女	2001-03-08	031301008711	LR 1.2	
21	H62506850200000021	NGUYEN THI VAN ANH	女	2002-07-02	033302006826	LR 1.2	
22	H62506850200000022	NGUYEN THI UYEN	女	1998-10-14	034198001025	LR 1.2	
23	H62506850200000023	TRAN VAN KIEU	女	2003-01-06	034303008072	LR 1.2	
24	H62506850200000024	TRAN HAN HUNG	男	1997-04-11	035097007796	LR 1.2	
25	H62506850200000025	TRAN THI TUYET	女	1995-02-04	035195005467	LR 1.2	
26	H62506850200000026	NGUYEN THI QUYNH ANH	女	2003-02-02	035303000317	LR 1.2	
27	H62506850200000027	LA THI BICH VIET	女	2006-11-12	035306000457	LR 1.2	
28	H62506850200000028	NGUYEN KHANH NGOC	女	2008-09-01	038308026207	LR 1.2	
29	H62506850200000029	NGUYEN THI YEN	女	2001-06-26	040301010419	LR 1.2	
30	H62506850200000030	VO TAN THIEN	男	1998-07-17	049098009918	LR 1.2	
31	H62506850200000031	HOANG LE THUY	女	2001-05-28	066301017395	LR 1.2	
32	H62506850200000032	NGUYEN CAM NHUNG	女	1996-10-06	C5762108	LR 1.2	
33	H62506850200000033	LY CAM GIANG	女	2002-11-22	C9097035	LR 1.2	
34	H62506850200000034	NGUYEN HA KIM ANH	女	2003-07-29	p00001444	LR 1.2	
35	H62506850200000035	HOANG MAI THUY	女	2001-12-14	p01787630	LR 1.2	
36	H62506850200000036	NGUYEN NHAT THANH	女	2008-12-23	001208024642	LR 1.2	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LR 2.5

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62506850200000037	NGUYEN THI CAM VAN	女	1997-02-18	001197023841	LR 2.5	
2	H62506850200000038	NGUYEN DO MINH HIEN	女	1997-11-30	001197025436	LR 2.5	
3	H62506850200000039	NGUYEN THI NGOC	女	1999-01-31	001199019181	LR 2.5	
4	H62506850200000040	LE MINH HIEU	男	2003-10-29	001203026156	LR 2.5	
5	H62506850200000041	DO YEN NHI	女	2005-10-02	001305010780	LR 2.5	
6	H62506850200000042	NGUYEN GIANG CHAU	女	2007-09-08	001307016377	LR 2.5	
7	H62506850200000043	NGUYEN AN QUYNH	女	2007-08-14	001307022661	LR 2.5	
8	H62506850200000044	NGUYEN THAO LINH	女	2007-02-20	001307045541	LR 2.5	
9	H62506850200000045	NGUYEN THANH MAI	女	2008-08-16	001308022902	LR 2.5	
10	H62506850200000046	TRAN QUYNH LAM	女	2008-09-04	001308056970	LR 2.5	
11	H62506850200000047	NGUYEN THI LANH	女	1999-12-25	002199006206	LR 2.5	
12	H62506850200000048	NGUYEN MINH NGOC	女	2003-02-27	008303000170	LR 2.5	
13	H62506850200000049	NGUYEN MAI LINH	女	2007-07-06	010307001646	LR 2.5	
14	H62506850200000050	BUI THANH TRUNG	男	1999-09-19	017099008349	LR 2.5	
15	H62506850200000051	LE MINH THUY	女	1994-12-01	019194004700	LR 2.5	
16	H62506850200000052	PHUONG THU HUONG	女	2002-10-28	019302008693	LR 2.5	
17	H62506850200000053	TRAN THI HONG ANH	女	2004-06-06	019304000785	LR 2.5	
18	H62506850200000054	DANG THI THU HIEN	女	2005-11-03	019305003326	LR 2.5	
19	H62506850200000055	CHU THI VAN	女	1997-12-08	020197007043	LR 2.5	
20	H62506850200000056	LUU THI HANG	女	1999-03-08	020199006754	LR 2.5	